

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8.3/2006/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 09 tháng 12 năm 2006

### **NGHỊ QUYẾT**

#### **Về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2007**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 3771/QĐ-BTC ngày 16/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Giao dự toán, chi ngân sách nhà nước năm 2007;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 2796/TT-UBND ngày 23/11/2006 về Phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2007; Báo cáo số 113/BC-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2006 về Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu- chi ngân sách năm 2006 và dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2007 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2007 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 500.000 triệu đồng

Trong đó:

- Thu nội địa: 356.000 triệu đồng

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 144.000 triệu đồng

2. Tổng thu ngân sách địa phương (Không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ và vốn JBIC): 1.611.678 triệu đồng

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 339.070 triệu đồng

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương: 599.716 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu, dự án, nhiệm vụ:	476.029 triệu đồng
+ Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện các chế độ chính sách theo quy định;	16.363 triệu đồng
+ Thu vốn đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước (ODA);	<b>135.000 triệu đồng</b>
+ Thu kết dư ngân sách năm 2006 chuyển sang:	15.000 triệu đồng
+ Thu vay để đầu tư chương trình KCHKM, GTNT:	20.000 triệu đồng
+ Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN:	10.500 triệu đồng
3. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2006:	1.611.678 triệu đồng
- Chi ngân sách tỉnh:	1.095.229 triệu đồng
- Chi ngân sách các huyện, thị xã:	427.667 triệu đồng
- Chi ngân sách xã:	88.782 triệu đồng

**Điều 2.** Phân bổ ngân sách địa phương năm 2007 cho từng cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, các cơ quan khác ở tỉnh; mức bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã (Kèm theo phụ lục).

**Điều 3.** Thông qua các giải pháp thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2007 của UBND tỉnh, các giải pháp nêu tại Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách và nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản sau:

UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số: 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về Ban hành Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

Chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ;

Chỉ đạo và thường xuyên tổ chức, kiểm tra việc sử dụng ngân sách đối với những đơn vị trực thuộc, bảo đảm chi ngân sách đúng chế độ, đúng tiêu chuẩn, định mức, đúng dự toán được giao. Đồng thời tổ chức xử lý kịp thời những tồn tại, sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước đã có kết luận bằng văn bản; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong quản lý điều hành ngân sách để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

**Điều 4.** HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh quyết định nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; nhiệm vụ thu, chi và mức cân đối, bổ sung có

mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách từng huyện, thị xã và chi đạo thực hiện công khai dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

**Điều 5.** HĐND giao trách nhiệm cho Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2007 theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09/12/2006 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Việt Nên**

**Biểu 1****CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2005	Dự toán năm 2006	Ước TH năm 2006	Dự toán năm 2007
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước</b>	<b>384.418</b>	<b>350.000</b>	<b>453.080</b>	<b>500.000</b>
1	Thu nội địa	301.224	275.000	340.080	356.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	83.194	75.000	113.000	144.000
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>1.454.493</b>	<b>1.313.422</b>	<b>1.708.470</b>	<b>1.611.678</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	297.036	273.000	320.680	339.070
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	893.099	983.772	1.109.971	1.227.108
	<i>Trong đó: - Bổ sung cân đối</i>	<i>369.677</i>	<i>369.677</i>	<i>369.677</i>	<i>599.716</i>
	<i>- Bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình 135, 5 triệu ha</i>	<i>84.172</i>	<i>105.140</i>	<i>105.140</i>	<i>116.154</i>
	<i>- Bổ sung vốn đầu tư một số chương trình, nhiệm vụ</i>	<i>165.397</i>	<i>269.108</i>	<i>269.108</i>	<i>359.875</i>
	<i>- Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện chính sách theo quy định</i>	<i>30.390</i>	<i>43.650</i>	<i>43.650</i>	<i>16.363</i>
	<i>- Bổ sung ngoài kế hoạch</i>	<i>128.214</i>		<i>58.465</i>	
	<i>- Bổ sung vốn đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước</i>	<i>10.235</i>	<i>138.500</i>	<i>138.500</i>	<i>135.000</i>
	<i>- Bổ sung MT bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại</i>	<i>42.693</i>			
	<i>- Bổ sung có MT thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>62.320</i>	<i>57.697</i>	<i>125.431</i>	
3	Thu kết dư	106.505	15.000	40.175	15.000
4	Thu chuyển nguồn làm lương		11.110	34.481	
5	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau	97.882	10.540	140.763	
6	Thu vay Chương trình kiên cố hóa kênh mương cấp 2 và giao thông nông thôn		20.000	20.000	20.000
7	Thu viện trợ	8.091			
8	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	144			
9	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	51.735		42.400	10.500
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>1.326.217</b>	<b>1.313.422</b>	<b>1.687.866</b>	<b>1.611.678</b>
1	Chi đầu tư phát triển	216.947	304.000	372.436	316.090
2	Chi thường xuyên	548.715	488.745	763.179	735.629
3	Chi dự phòng	0	18.800	18.800	36.653
4	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương		46.832		4.485
5	Chi từ nguồn bổ sung Trung ương thực hiện cải cách tiền lương		57.697		
6	Chi CTMT chuyên nhiệm vụ chi TX các ngành	1.631	2.200	2.200	
7	Chi Chương trình kiên cố hóa kênh mương, kiên cố hóa giao thông nông thôn từ nguồn vay	12.049	20.000	20.154	20.000
8	Chi thực hiện chương trình MT, nhiệm vụ	302.748	374.248	467.797	487.321
9	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	900	900	900	1.000
10	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách	51.735		42.400	10.500

11	Chi viện trợ	50.785		
12	Chi chuyển nguồn sang năm sau	140.709		

**Biểu 2****DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán TW năm 2007	Dự toán địa phương năm 2007		
		Tổng số	Tỉnh	Huyện
<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>1.690.208</b>	<b>1.772.608</b>	<b>1.635.618</b>	<b>136.990</b>
<b>A) Tổng thu ngân sách trên địa bàn</b>	<b>463.100</b>	<b>500.000</b>	<b>363.010</b>	<b>136.990</b>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>319.100</b>	<b>356.000</b>	<b>219.010</b>	<b>136.990</b>
1. Thu XNQD Trung ương	73.000	73.000	73.000	0
2. Thu XNQD địa phương	17.000	17.000	17.000	0
3. Thu ngoài quốc doanh	88.000	89.000	38.700	50.300
4. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	200	200	200	0
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.000	1.000	380	620
6. Lệ phí trước bạ	13.000	13.000	0	13.000
7. Thuế nhà đất	9.500	9.500	0	9.500
8. Thuế thu nhập cá nhân	600	600	600	0
9. Thu xổ số kiến thiết		8.500	8.500	0
10. Thu phí xăng dầu	19.000	19.000	19.000	0
11. Thu phí và lệ phí	15.000	15.000	6.000	9.000
12. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	3.000	3.000	0	3.000
13. Thu tiền sử dụng đất	65.000	70.000	32.600	37.400
14. Thu tiền thuê đất	4.200	8.300	0	8.300
15. Thu khác (Bao gồm cả thu phạt, tịch thu...)	7.000	10.000	8.600	1.400
16. Các khoản thu tại xã	3.600	4.470	0	4.470
17. Các khoản thu khác có địa chỉ chi		14.430	14.430	0
<b>II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>144.000</b>	<b>144.000</b>	<b>144.000</b>	<b>0</b>
1. Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	8.000	8.000	8.000	0
2. Thu thuế GTGT hàng nhập khẩu	136.000	136.000	136.000	0
<b>B) Thu vay Chương trình kiên cố hóa kênh mương cấp 2 và giao thông nông thôn</b>		<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	<b>0</b>
<b>C) Các khoản thu để lại quản lý chi qua ngân sách nhà nước</b>		<b>10.500</b>	<b>10.500</b>	<b>0</b>
<b>D) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương</b>	<b>616.079</b>	<b>616.079</b>	<b>616.079</b>	<b>0</b>
- Thu bổ sung trong cân đối	599.716	599.716	599.716	0
- Bổ sung thực hiện một số chính sách mới	16.363	16.363	16.363	0
<b>Đ) Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư</b>		<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	

<b>E) Thu vốn chương trình mục tiêu Quốc gia và CT, DA, nhiệm vụ</b>	<b>476.029</b>	<b>476.029</b>	<b>476.029</b>	<b>0</b>
<b>F) Thu vốn dự án nước ngoài</b>	<b>135.000</b>	<b>135.000</b>	<b>135.000</b>	<b>0</b>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2007**  
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung chi	Dự toán TW giao năm 2007	Dự toán chi năm 2007			
		Tổng số	Trong đó		
			Tỉnh	Huyện	Xã
<b>Tổng chi ngân sách địa phương quản lý</b>	<b>1.543.709</b>	<b>1.611.678</b>	<b>1.095.229</b>	<b>427.667</b>	<b>88.782</b>
<b>A) Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>1.051.317</b>	<b>1.093.857</b>	<b>577.408</b>	<b>427.667</b>	<b>88.782</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>299.510</b>	<b>316.090</b>	<b>243.270</b>	<b>72.820</b>	<b>0</b>
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	163.030	175.030	102.210	72.820	0
Trong đó:					
- Chi xây dựng cơ bản tập trung	80.690	86.690	52.270	34.420	
- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	65.000	70.000	32.600	37.400	0
+ Chi trả nợ vay Kho bạc	30.000	30.000	30.000		
+ Chi đầu tư XDCB	35.000	40.000	2.600	37.400	
- Chi trả nợ vay ngân hàng phát triển( CT KCHKM và GTNT)	17.340	17.340	17.340		
- Chi xây dựng nhà ở giáo viên vùng khó (Từ nguồn thu xổ số)		1.000		1.000	
2. Chi đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước	135.000	135.000	135.000		
3. Chi từ nguồn thu theo NQQH (Nhà ở ĐB DTKK)		3.000	3.000		
4. Chi vốn đối ứng các dự án ODA hành chính sự nghiệp		2.150	2.150		
5. Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	1.480	910	910		
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>714.154</b>	<b>735.629</b>	<b>307.297</b>	<b>342.093</b>	<b>86.239</b>
1. Chi trợ giá (Có cả mặt hàng cho không)		4.232	4.232		
2. Chi sự nghiệp Kinh tế và Môi trường		76.636	42.331	31.705	2.600
3. Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo và dạy nghề	336.826	336.826	92.556	242.880	1.390
- Chi sự nghiệp Giáo dục		310.162	69.542	239.230	1.390
- Chi sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề		26.664	23.014	3.650	
4. Chi sự nghiệp Y tế		82.899	68.898	10.800	3.201
5. Chi sự nghiệp Khoa học- Công nghệ	7.580	8.140	8.140	0	
6. Chi chương trình công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông		1.800	1.800		
7. Chi sự nghiệp Văn hoá- Thông tin		10.092	5.359	2.938	1.795
8. Chi sự nghiệp Phát thanh- Truyền hình		5.047	2.500	2.547	

<del>9. Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao</del>		<del>3.381</del>	<del>1.200</del>	<del>1.603</del>	<del>578</del>
10. Chi Bảo đảm xã hội		15.042	4.487	5.195	5.360
11. Chi Quản lý hành chính		165.290	60.500	38.929	65.861
12. Chi Quốc phòng- An ninh		19.131	9.355	4.570	5.206
13. Chi khác ngân sách		7.113	5.939	926	248
<b>III. Chi tạo nguồn TH cải cách tiền lương</b>		<b>4.485</b>	<b>4.485</b>		
<b>IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>		
<b>V. Dự phòng ngân sách</b>	<b>36.653</b>	<b>36.653</b>	<b>21.356</b>	<b>12.754</b>	<b>2.543</b>
<b>B) Chi chương trình kiên cố hóa kênh mương cấp 2 và BTH giao thông nông thôn từ nguồn vốn vay</b>		<b>20.000</b>	<b>20.000</b>		
<b>C) Chi thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia và một số mục tiêu, nhiệm vụ khác</b>	<b>492.392</b>	<b>487.321</b>	<b>487.321</b>		
<b>D) Chi sự nghiệp để lại quản lý qua ngân sách nhà nước</b>		<b>10.500</b>	<b>10.500</b>		

**Ghi chú:** Trong chi QLHC có bố trí phần dự kiến tăng biên chế năm 2007: 4.000 triệu đồng



**DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ CHI TRỢ GIÁ KHỐI TỈNH NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị	Tổng số	Trong đó	
		Chi bộ máy	Chi SNKT
<b>Tổng số</b>	<b>45.131</b>	<b>6.478</b>	<b>38.653</b>
<b>I. Sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>12.873</b>	<b>4.558</b>	<b>8.315</b>
1. Thủy lợi	800		800
2. Lâm nghiệp	1.200		1.200
3. Trung tâm Khuyến nông, khuyến lâm	2.145	1.145	1.000
4. Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường	410	210	200
5. Chi cục Bảo vệ thực vật	1.620	1.050	570
6. Chi cục Thú y	2.750	1.200	1.550
7. Trung tâm Điều tra quy hoạch nông lâm	450	450	
8. Chi cục Quản lý dê điều và phòng chống bão lụt	735	240	495
9. Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi	2.763	263	2.500
<b>II. Sự nghiệp Thủy sản</b>	<b>2.912</b>	<b>1.200</b>	<b>1.712</b>
1. Trung tâm Khuyến ngư	1.122	480	642
2. Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	1.190	570	620
3. Trung tâm Giống thủy sản	450	90	360
4. Ban Quản lý cảng cá Cửa Việt	150	60	90
<b>III. Sự nghiệp Giao thông</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>
1. Sửa chữa thường xuyên	3.200		3.200
2. Sửa chữa vừa và lớn	1.800		1.800
<b>IV. Sự nghiệp Tài nguyên - Môi trường</b>	<b>15.226</b>	<b>300</b>	<b>14.926</b>
1. Trung tâm Lưu trữ địa chính	150	150	
2. Văn phòng đăng ký	150	150	
3. Sự nghiệp Tài nguyên- Môi trường	14.926		14.926
<b>V. Sự nghiệp Kiểm lâm</b>	<b>3.000</b>		<b>3.000</b>
<b>VI. Trung tâm khuyến công</b>	<b>1.000</b>	<b>270</b>	<b>730</b>
<b>VII. Hoạt động xúc tiến Thương mại- Du lịch và hội nhập Quốc tế</b>	<b>200</b>		<b>200</b>
<b>VIII. Xúc tiến đầu tư</b>	<b>670</b>	<b>150</b>	<b>520</b>
1. Sở Kế hoạch và Đầu tư	300	150	150
2. BQL khu Thương mại Lao Bảo	200		200
3. BQL các Khu du lịch	70		70
4. BQL các Khu công nghiệp	100		100
<b>IX. Phòng chống dịch bệnh</b>	<b>700</b>		<b>700</b>
<b>X. Kinh phí thực hiện c/tác thống kê, điều tra, khảo sát giá đất theo Luật mới (Cấp tỉnh)</b>	<b>150</b>		<b>150</b>
<b>XI. Trợ giá hàng miền núi</b>	<b>2.600</b>		<b>2.600</b>
<b>XII. Cho không các mặt hàng chính sách</b>	<b>200</b>		<b>200</b>
<b>XIII. Hỗ trợ Bệnh viện Triệu Hải xử lý môi trường</b>	<b>300</b>		<b>300</b>
<b>XIV. Chi khác</b>	<b>300</b>		<b>300</b>

**DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP VĂN XÃ KHỐI TỈNH NĂM 2007**  
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Đơn vị	Dự toán 2007	Ghi chú
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>86.372</b>	
<b>I. Chi trợ giá Báo Quảng Trị</b>	<b>1.432</b>	Có thuế VAT, tăng nhuận bút 242 triệu
<b>II. Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin</b>	<b>5.359</b>	
- Hội Văn học- Nghệ thuật	1.037	Có 285 triệu hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật.
- Tạp chí Cửa Việt	612	
- Sở Văn hoá- Thông tin	3.710	Có BS cho BQL danh thắng 300 triệu
<b>III. Sự nghiệp Giáo dục</b>	<b>69.542</b>	Có thay sách 2,5 tỷ, dự phòng tăng biên chế
<b>IV. Sự nghiệp Đào tạo</b>	<b>23.014</b>	
- Trường Cao đẳng sư phạm	5.889	Bao gồm kinh phí hợp tác đào tạo giữa Quảng Trị- Savanakhet
- Trường Chính trị Lê Duẩn	2.529	
- Trường Trung học nông nghiệp	1.150	
- Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Cửa Việt	431	
- Trường đào tạo CNKT và nghiệp vụ GTVT	545	
- Trường Trung học Y tế	1.469	Có kinh phí đào tạo cán bộ y tế theo đề án
- Trung tâm Thể dục- Thể thao	1.608	Có kinh phí đào tạo vận động viên tài năng: 340 triệu
- Nhà Thiếu nhi	930	
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên	140	
- Trường Dạy nghề	2.520	
- Sở Văn hoá- Thông tin	50	
- Liên minh hợp tác xã và doanh nghiệp ngoài quốc doanh	366	Đào tạo doanh nghiệp vừa và nhỏ và hợp tác xã
- Sở Y tế	302	
- Đào tạo lại	5.085	
<b>V. Sự nghiệp Thể dục- Thể thao</b>	<b>1.200</b>	
<b>VI. Sự nghiệp Y tế</b>	<b>68.898</b>	
- Khám chữa bệnh khối trực thuộc	53.308	Bao gồm trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ xã nghỉ hưu
- Chi bổ sung quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	8.500	
- Chi bổ sung quỹ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi	6.000	
- Trang thiết bị y tế	550	
- Hỗ trợ công tác kế hoạch hoá gia đình	100	Cấp cho Ủy ban dân số
- Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	440	Ủy ban dân số
<b>VII. Sự nghiệp Khoa học- Công nghệ</b>	<b>8.140</b>	Bao gồm cả nghiên cứu khoa học
<b>VIII. Công nghệ Thông tin và bưu chính viễn thông</b>	<b>1.800</b>	
<b>VIII. Sự nghiệp Phát thanh- Truyền hình</b>	<b>2.500</b>	
<b>IX. Sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>	<b>4.487</b>	
- Chi bộ máy sự nghiệp và kinh phí ĐBXH	3.987	Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh ĐB 40 triệu và trợ cấp cán bộ lão thành CM 350 triệu
- Lương cán bộ làm công tác giảm nghèo	500	

**DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH KHỐI TỈNH NĂM 2007**  
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

ĐƠN VỊ		Biên chế	Tổng số	Trong đó	
				Chi con người	Chi công việc
1		2	3=4+5	4	5
Tổng số		1.444	56.500	30.204	26.296
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53	1.600	1.176	424
2	Sở Thể dục- Thể thao	15	450	304	146
3	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	33	957	640	317
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	37	1.273	743	530
5	Sở Giao thông- Vận tải	20	626	466	160
6	Sở Tài chính	44	1.522	920	602
7	Sở Thủy sản	15	460	339	121
8	Sở Xây dựng	26	790	582	208
9	Sở Tư pháp	16	602	316	286
10	Sở Thương mại- Du lịch	20	744	444	300
11	Sở Công nghiệp	23	863	439	424
12	Sở Tài nguyên- Môi trường	33	1.024	600	424
13	Sở Y tế	30	904	664	240
14	Sở Khoa học	27	787	571	216
15	Sở Văn hoá- Thông tin	23	693	509	184
16	Sở Bưu chính- Viễn thông	18	826	272	554
17	Sở Nội vụ	30	1.139	671	468
18	Sở Ngoại vụ (Hội Liên hiệp hữu nghị nước ngoài 70 triệu)	18	1.110	311	799
19	Sở Giáo dục- Đào tạo	53	1.675	1.251	424
20	Hội đồng nhân dân tỉnh	19	1.579	427	1.152
21	Ủy ban nhân dân tỉnh	72	3.516	1.397	2.119
22	Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh	8	1.801	151	1.650
23	Ban Dân tộc	31	1.091	572	519
24	Chi cục Quản lý thị trường	53	1.709	1.179	530
25	Thanh tra tỉnh	22	747	541	206
26	Phòng Công chứng	6	230	104	126
27	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	5	235	67	168
28	Chi cục di dân kinh tế mới	13	529	284	245

29	Ủy ban Dân số gia đình và Trẻ em	67	1.811	1.283	528
----	----------------------------------	----	-------	-------	-----

(Huyện 44)					
30	BQL Khu Thương mại Lao Bảo	29	1.001	464	537
31	Ban Thanh tra Giao thông	7	218	148	70
32	Ban Tôn giáo tỉnh	9	427	150	277
33	BQL các Cụm Công nghiệp	8	374	172	202
34	Trung tâm Thương mại Lao Bảo	31	899	361	538
35	Ban Quản lý XD cơ sở hạ tầng	5	172	122	50
36	Ban Quản lý các Khu Du lịch	9	270	160	110
37	Tỉnh ủy	157	8.202	3.768	4.434
38	Báo Quảng Trị	32	928	596	332
39	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	24	1.164	516	648
40	Tỉnh Đoàn	27	1.038	445	593
41	Hội Nông dân	21	819	425	394
42	Hội Liên hiệp Phụ nữ	20	753	399	354
43	Hội Cựu chiến binh	11	585	204	381
44	Đoàn Dân Chính Đảng	4	200	65	135
45	Tổng đội Thanh niên xung phong	4	158	88	70
46	Hội Nhà báo	3	184	72	112
47	Liên minh Hợp tác xã và doanh nghiệp ngoài quốc doanh	14	620	262	358
48	Hội Y học Dân tộc cổ truyền	3	104	74	30
49	Hội Chữ thập đỏ	9	332	192	140
50	Hội Người mù	8	276	97	179
51	Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật	3	152	62	90
52	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	8	240	108	132
53	Chi cục Kiểm lâm	168	5.545	4.031	1.514
54	Trạm Kiểm soát Liên hợp Tân Hợp		336	0	336
55	Hỗ trợ hoạt động các hội		210	0	210
1	- Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi	2	50	0	50
2	- Hội Người cao tuổi	2	70	0	70
3	- Hội Khuyến học	2	90	0	90

**Ghi chú:**

- Đối với các BQL dự án, nếu được sử dụng kinh phí Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản thì không được hưởng hỗ trợ từ ngân sách.

**DỰ TOÁN CHI VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Dự toán
	<b>Tổng số</b>	<b>2.150</b>
1	Dự án trồng rừng JIPIC	500
2	Dự án trồng rừng Đức	400
3	Dự án cải cách hành chính công	550
4	Chương trình cải cách hành chính tỉnh, huyện	700
5	Dự án khác	250

**Biểu 8****DỰ TOÁN CHI QUỐC PHÒNG - AN NINH KHỐI TỈNH NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị	DT năm 2007
<b>Tổng số</b>	<b>9.355</b>
1. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	5.475
<i>Trong đó có kinh phí trang cấp dân quân tự vệ toàn tỉnh</i>	775
2. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	1.200
3. Công an tỉnh	1.500
4. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh, chính trị, an toàn xã hội một số vùng trọng điểm và công tác tôn giáo đặc thù của địa phương	1.180

**Ghi chú:**

- Chi nhiệm vụ quốc phòng gồm: Chi thường xuyên thuộc nhiệm vụ địa phương; chi huấn luyện dự bị động viên theo Pháp lệnh và quy định của Chính phủ; chi đào tạo xã đội trưởng theo Quyết định 85/QĐ-TTg; kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo hậu cần địa phương; chi công tác quy tập mộ liệt sỹ;
- Chi diễn tập khu vực phòng thủ của tỉnh và huyện; đã bao gồm bổ sung thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 162/2004/TTLT/BQP-BTC ngày 06/12/2004...;
- Công an tỉnh có kinh phí mua trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

**DỰ TOÁN CHI KHÁC KHỐI TỈNH NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>Đơn vị</b>	<b>DT năm 2007</b>
<b>Tổng số</b>	<b>5.939</b>
Trong đó:	
- Chương trình phòng chống mại dâm (Sở Lao động)	80
- Kinh phí thực hiện công tác quan hệ biên giới Việt- Lào	3.000
- Kinh phí cho các hoạt động lễ hội năm 2007	2.000
- Các nhiệm vụ khác	859

**Biểu 10****DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>Đơn vị</b>	<b>Dự toán</b>
<b>Tổng số</b>	<b>910</b>
1. Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng	670
2. Công ty Phát triển và khai thác hạ tầng Khu công nghiệp	240

**Ghi chú:**

- Công ty Phát triển và khai thác hạ tầng Khu công nghiệp có 8 hợp đồng

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ THUỘC TỈNH NĂM 2007  
(Bao gồm cả ngân sách xã, phường, thị trấn)**

*(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp</b>	<b>Thu ngân sách huyện, thị xã được hưởng theo phân cấp</b>	<b>Dự toán chi ngân sách huyện, thị xã</b>	<b>Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện</b>
1. Thị xã Đông Hà	70.080	70.080	73.203	3.123
2. Thị xã Quảng Trị	9.520	9.520	24.107	14.587
3. Huyện Hải Lăng	8.190	8.190	65.539	57.349
4. Huyện Triệu Phong	8.325	8.325	65.682	57.357
5. Huyện Gio Linh	7.800	7.800	58.455	50.655
6. Huyện Vĩnh Linh	13.800	13.800	72.734	58.934
7. Huyện Cam Lộ	6.170	6.170	41.310	35.140
8. Huyện Đakrông	1.325	1.325	42.233	40.908
9. Huyện Hướng Hoá	11.780	11.680	69.002	57.322
10. Huyện đảo Côn Cỏ			4.184	4.184
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.990</b>	<b>136.890</b>	<b>516.449</b>	<b>379.559</b>

Biểu 12

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007  
KHỐI HUYỆN - THỊ XÃ VÀ KHỐI XÃ- PHƯỜNG- THỊ TRẤN**  
*(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006  
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	TX Đ.Hà	TX Q.Trị	Vĩnh Linh	Gio Linh	Cam Lộ	Hải Lăng	Triệu Phong	Hướng Hoá	Đkrông
	<b>Tổng cộng</b>	<b>512.365</b>	<b>73.203</b>	<b>24.107</b>	<b>72.734</b>	<b>58.455</b>	<b>41.310</b>	<b>65.539</b>	<b>65.682</b>	<b>69.102</b>	<b>42.233</b>
<b>I</b>	<b>Thu NS trên địa bàn</b>	<b>136.990</b>	<b>70.080</b>	<b>9.520</b>	<b>13.800</b>	<b>7.800</b>	<b>6.170</b>	<b>8.190</b>	<b>8.325</b>	<b>11.780</b>	<b>1.325</b>
	<i>Trong đó: ĐP hưởng</i>	<i>136.890</i>	<i>70.080</i>	<i>9.520</i>	<i>13.800</i>	<i>7.800</i>	<i>6.170</i>	<i>8.190</i>	<i>8.325</i>	<i>11.680</i>	<i>1.325</i>
1	Thu ngoài Q.doanh	50.300	26.700	3.390	6.200	1.960	1.600	2.500	2.700	4.600	650
2	Lệ phí trước bạ	13.000	6.800	600	1.150	700	600	700	700	1.600	150
3	Thuế sử dụng đất NN	620	120	0	100	30	20	190	120	40	0

4	Thuế nhà đất	9.500	6.700	740	740	150	200	330	290	340	10
5	Thu phí và lệ phí	9.000	2.880	560	1.120	810	620	980	1.030	730	270
6	Thu cấp quyền SDD	37.400	17.000	3.500	3.300	2.500	2.500	2.500	2.500	3.500	100
7	Thuế ch. quyền SDD	3.000	2.100	200	150	50	50	70	50	300	30
8	Thu tiền thuê đất	8.300	6.180	360	290	900	380	70	85	20	15
9	Thu khác	1.400	800	50	100	100	50	50	50	150	50
10	Thu tại xã	4.470	800	120	650	600	150	800	800	500	50
<b>II</b>	<b>Thu BS từ NS cấp trên</b>	<b>375.375</b>	<b>3.123</b>	<b>14.587</b>	<b>58.934</b>	<b>50.655</b>	<b>35.140</b>	<b>57.349</b>	<b>57.357</b>	<b>57.322</b>	<b>40.908</b>

**Ghi chú:** Trong mục thu bổ sung từ ngân sách cấp trên có huyện đảo Côn Cỏ: 4184 triệu đồng

**Biểu 13**

**DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2007 KHỐI HUYỆN, THỊ XÃ**

**(Bao gồm cả chi ngân sách xã, phường, thị trấn)**

*(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Tổng số	Đông Hà	Quảng Trị	Hải Lăng	Triệu Phong	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hóa	Côn Cỏ
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>427.667</b>	<b>67.184</b>	<b>22.740</b>	<b>53.150</b>	<b>54.074</b>	<b>45.706</b>	<b>56.712</b>	<b>35.598</b>	<b>33.561</b>	<b>54.758</b>	<b>4.184</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>72.820</b>	<b>23.050</b>	<b>5.650</b>	<b>8.420</b>	<b>6.420</b>	<b>6.100</b>	<b>7.220</b>	<b>5.780</b>	<b>3.530</b>	<b>6.650</b>	<b>0</b>
Trong đó:											
- Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	37.400	17.000	3.500	2.500	2.500	2.500	3.300	2.500	100	3.500	
- Chi xây dựng nhà ở giáo viên vùng khó	1.000	0	0	100	100	100	100	100	250	250	0
<b>II. Chi thường xuyên khối huyện</b>	<b>342.093</b>	<b>42.121</b>	<b>16.409</b>	<b>43.198</b>	<b>46.034</b>	<b>38.238</b>	<b>47.793</b>	<b>28.752</b>	<b>29.024</b>	<b>46.465</b>	<b>4.059</b>
Trong đó:											
- Sự nghiệp Môi trường	3.700	210	1.310	60	60	60	1.560	360	10	60	10
- Chi sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo và dạy nghề	242.880	25.860	8.700	32.845	35.300	28.555	35.555	20.385	20.390	35.090	200
Trong đó: - Giáo dục	239.230	25.460	8.420	32.445	34.900	28.185	35.125	20.035	19.980	34.680	0
- Đào tạo và dạy nghề	3.650	400	280	400	400	370	430	350	410	410	200
- Bổ sung trang thiết bị cho phòng Tổ chức	500	70	50	50	50	70	50	50	50	50	10
<b>III. Dự phòng khối huyện (3% tổng chi)</b>	<b>12.754</b>	<b>2.013</b>	<b>681</b>	<b>1.532</b>	<b>1.620</b>	<b>1.368</b>	<b>1.699</b>	<b>1.066</b>	<b>1.007</b>	<b>1.643</b>	<b>125</b>



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.3/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số	TX ĐHà	TX QTrị	Hải Lăng	Triệu Phong	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hoá
<b>Tổng Số</b>	<b>88.782</b>	<b>6.019</b>	<b>1.367</b>	<b>12.389</b>	<b>11.608</b>	<b>12.749</b>	<b>16.022</b>	<b>5.712</b>	<b>8.672</b>	<b>14.244</b>
<b>I. Chi thường xuyên</b>	<b>86.239</b>	<b>5.844</b>	<b>1.327</b>	<b>12.030</b>	<b>11.272</b>	<b>12.381</b>	<b>15.558</b>	<b>5.547</b>	<b>8.421</b>	<b>13.859</b>
1. Chi Bảo đảm xã hội	5.360	238	39	322	412	593	2.127	159	524	946
- Trợ cấp hưu xã	4.522	184	23	196	298	467	1.995	105	440	814
- Sự nghiệp xã hội khác	838	54	16	126	114	126	132	54	84	132
3. Sự nghiệp Giáo dục	1.390	90	20	210	190	210	220	90	140	220
3. Sự nghiệp Y tế	3.201	211	58	393	403	419	552	254	327	584
4. Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	1.795	137	30	218	252	233	305	152	172	296
<i>Trong đó: Khu Văn hoá cụm dân cư</i>	<i>1.089</i>	<i>83</i>	<i>18</i>	<i>113</i>	<i>157</i>	<i>128</i>	<i>195</i>	<i>107</i>	<i>102</i>	<i>186</i>
5. Sự nghiệp Thể dục- Thể thao	578	54	12	84	76	84	88	36	56	88
6. Sự nghiệp Quốc phòng- An ninh	5.206	333	74	791	713	776	832	344	519	824
7. Sự nghiệp Kinh tế	2.600	300	100	400	400	400	400	100	100	400
8. Chi Quản lý hành chính	65.861	4.464	989	9.577	8.794	9.630	10.989	4.396	6.558	10.464
9. Chi khác (0,3% chi TX không kể SNKT)	248	17	5	35	32	36	45	16	25	37
<b>II. Chi dự phòng (3% tổng chi)</b>	<b>2.543</b>	<b>175</b>	<b>40</b>	<b>359</b>	<b>336</b>	<b>368</b>	<b>464</b>	<b>165</b>	<b>251</b>	<b>385</b>

**Ghi chú:**

- Các chỉ tiêu trên là chỉ tiêu hướng dẫn, căn cứ yêu cầu thực tế các huyện, thị xã bố trí cho phù hợp với tình hình địa phương;

- Nguồn thu huy động, đóng góp được để lại xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng;
- Chi xây dựng cơ bản được bố trí trong tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung của huyện;
- Đã bố trí các khoản chi theo chính sách mới của Trung ương và tỉnh;
- Trong Giáo dục có bố trí kinh phí đào tạo cho cán bộ xã;
- Trong sự nghiệp Y tế có phụ cấp trực ngoài định mức 10 triệu đồng/xã/năm;
- Trong chi QLHC có kinh phí thanh tra nhân dân 2 triệu đồng/xã/năm; Mặt trận;
- Trong chi QLHC có bố trí Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên xã, phường, thị trấn;
- Chi An ninh có bố trí trang cấp công an viên.